

**Công bố Kết quả điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2012**

Vừa qua, tại Hà Nội, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Tổng cục Thống kê và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) tổ chức lễ công bố *Kết quả điều tra quốc gia về lao động trẻ em 2012*. Tới tham dự buổi lễ có các đại diện đến từ các cơ quan chủ quản và đông đảo các nhà khoa học, các ban ngành liên quan và các cơ quan thông tấn báo chí.

Cuộc điều tra quốc gia về lao động trẻ em nằm trong khuôn khổ “Chương trình hợp tác quốc tế về xoá bỏ lao động trẻ em (IPEC) giữa Chính phủ Việt Nam và Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), được thực hiện trong năm 2012. Đây là cuộc điều tra trên cả nước, phủ rộng tới từng hộ gia đình với bộ câu hỏi tổng quát về nhiều lĩnh vực như thu nhập, địa điểm, điều kiện làm việc... Cuộc điều tra đã mang lại một bức tranh tổng thể về thực trạng lao động trẻ em ở Việt Nam hiện nay cũng như những tác động của suy thoái kinh tế tới nhóm lao động trẻ em.

Báo cáo cho thấy, năm 2012 ước tính có khoảng 9,6% trẻ em Việt Nam (trong độ tuổi từ 5 đến 17) tham gia lao động. Điều đó có nghĩa là hiện Việt Nam có khoảng 1,75 triệu trẻ thuộc nhóm lao động trẻ em, trong đó không ít trẻ làm việc trong môi trường độc hại và những công việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam và các quy định quốc tế do ILO đưa ra.

Theo kết quả khảo sát, trẻ em tham gia hoạt động kinh tế phần lớn tập trung tại các vùng nông thôn, chiếm tỷ lệ 84,9% trong tổng số lao động trẻ em. Những vùng càng nghèo thì tỷ lệ trẻ em tham gia hoạt động kinh tế càng cao, đặc biệt là các khu vực Tây Bắc, Đông Bắc bộ, duyên hải Bắc Trung bộ... Trong bối cảnh kinh tế của Việt Nam hiện nay, kinh tế hộ gia đình còn chiếm tỷ trọng lớn. Bởi vậy, lao động trẻ em chủ yếu làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp và là lao động hộ gia đình (không hưởng lương). Trong số tất cả các đối tượng trẻ em tham gia hoạt động kinh tế, 88% trẻ thuộc nhóm 5-11 tuổi, 83% trẻ thuộc nhóm 12-14 tuổi và 66% trẻ thuộc nhóm 15-17 tuổi là lao động trong các hộ gia đình. Bên cạnh đó, vẫn có khoảng 513 ngàn trẻ (chiếm 18% tổng số trẻ em tham gia hoạt động kinh tế) là lao động làm công ăn lương, chủ yếu tập trung ở nhóm trẻ tương đối trưởng thành (15-17 tuổi).

Cũng theo kết quả khảo sát, khoảng 1/3 lao động trẻ em (tương đương khoảng 569 ngàn trẻ) có thời gian làm việc hơn 42 giờ mỗi tuần. Thời gian lao động kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến việc học tập của các em, không ít trẻ trong số này không được đến trường.

Không thể phủ nhận lao động trẻ em đã góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện cuộc sống, ít nhiều giáo dục được ý thức yêu lao động và tự lập cho trẻ, song những hệ lụy của nó là không nhỏ. Lao động trẻ em đang trở thành vấn đề ngày càng nan giải ở các quốc gia đang phát

triển, trong đó có Việt Nam. Mặc dù Chính phủ đã không ngừng nỗ lực ngăn chặn và từng bước xoá bỏ, nhưng hiện nay tỷ lệ lao động trẻ em vẫn ở mức cao. Điều đó cho thấy lộ trình thực hiện mục tiêu xoá bỏ lao động trẻ em của Việt Nam như đã cam kết còn nhiều gian nan.

### HOÀI PHÚC

#### **Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cốt yếu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình đổi mới và phát triển ở Việt Nam”**

Ngày 25/3/2014, tại Vĩnh Phúc, Hội thảo khoa học “Một số vấn đề lý luận - thực tiễn cốt yếu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình đổi mới và phát triển ở Việt Nam” diễn ra dưới sự chủ trì của Ban Chỉ đạo tổng kết 30 năm đổi mới. Hội thảo nhận được 47 tham luận từ các đại biểu tham dự là các học giả, nhà khoa học, nhà quản lý kinh tế, lãnh đạo các bộ, ngành liên quan...

Tại Hội thảo, các đại biểu đã được nghe báo cáo của Nhóm Kinh tế, Ban Chỉ đạo tổng kết 30 năm đổi mới, trong đó chỉ rõ trong 30 năm đổi mới, cơ cấu kinh tế của đất nước đã có sự chuyển dịch tích cực. Tỷ trọng ngành nông nghiệp trong GDP giảm từ 38% năm 1986 xuống còn 18,4% năm 2013; ngành công nghiệp tăng từ 28,9% lên 38,3%; dịch vụ tăng từ 33% lên 43%. Đặc biệt, trên phạm vi cả nước đã hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp cao, khu chế xuất, khu đô thị lớn, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Sự hội nhập ngày càng sâu rộng và toàn diện của nền kinh tế đất nước vào kinh tế toàn cầu đã mang lại cho chúng ta những cơ hội vô cùng to

lớn trong phát triển nhưng cũng xen lẫn nhiều thách thức không hề nhỏ. Công cuộc CNH, HĐH đã giải quyết có hiệu quả mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội... Nhờ đó, đời sống nhân dân được cải thiện, tỷ lệ đói nghèo giảm, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững, nâng cao tiềm lực và vị thế quốc tế của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu thì vẫn còn nhiều bất cập, như: mô hình CNH, HĐH chưa được định hình rõ nét; chưa phát triển có hiệu quả các ngành công nghiệp ưu tiên và chưa tận dụng lợi thế về công nghệ và nguồn lực đầu tư nước ngoài để tạo tính lan tỏa, thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển tương xứng. Đặc biệt, quá trình thực hiện CNH chưa gắn chặt với HĐH, phát triển công nghiệp vẫn chỉ là gia công, lắp ráp, giá trị thấp. Các chủ trương CNH, HĐH nông nghiệp và nông thôn triển khai còn chậm và chưa thật hiệu quả, rõ hướng; môi trường thể chế yếu kém, chất lượng nguồn nhân lực thấp và kết cấu hạ tầng yếu vẫn là điểm nghẽn, là nút thắt đang cản trở quá trình CNH, HĐH đất nước. Bên cạnh đó, nguồn lực đầu tư để thực hiện CNH có nơi còn dàn trải, thiếu trọng tâm, manh mún, không khai thác được lợi thế kinh tế theo quy mô. Nhiều vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế do quy hoạch không hợp lý hoặc duy ý chí nên không phát huy được tiềm năng, thế mạnh của vùng. Điều đáng nói là, đến nay chúng ta vẫn chưa tìm được hướng đi và mô hình phát triển phù hợp để có thể tránh được bẫy thu nhập trung bình mà kinh nghiệm của nhiều nước đi trước đang gặp phải.

Hội thảo nhất trí là, ba nút thắt tăng trưởng hiện nay vẫn là vấn đề thể chế, chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng. Tại Hội thảo, các đại biểu đã trao đổi, đề xuất các giải pháp, mô hình cho nền kinh tế. Hội thảo nhất trí cao với 4 “đề xuất” nhằm tạo “bước chuyển” để đưa nước ta sớm trở thành nước công nghiệp. *Thứ nhất*, mô hình CNH-HĐH nên rút gọn theo hướng “công nghiệp hoá hiện đại”. *Thứ hai*, cần tập trung phát triển những ngành công nghiệp có tính chất cần thiết, quan trọng đối với tất cả các lĩnh vực của quốc gia là nền tảng của CNH như: công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế tạo, công nghiệp tự động. *Thứ ba*, phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn gồm những ngành có lợi thế cạnh tranh và có điều kiện phát triển. Nhà nước cần tạo cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích và huy động các nguồn lực của tất cả các thành phần kinh tế, trường hợp thật cần thiết Nhà nước mới đầu tư. *Thứ tư*, để các sản phẩm chủ lực tham gia sâu vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu cần phải định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực có thể mạnh.

Liên quan đến vấn đề làm sao để các sản phẩm chủ lực tham gia sâu vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, nhiều ý kiến cho rằng, Chính phủ cần có yêu cầu đối với các bộ, ngành, địa phương hoàn chỉnh quy hoạch phát triển các ngành hàng, sản phẩm, xuất xứ có lợi thế cạnh tranh để định hướng cho doanh nghiệp mở rộng đầu tư. Còn, các bộ, ngành và địa phương cần xây dựng và đăng ký sản phẩm chủ lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu; tăng cường tính kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và

xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, với chuỗi giá trị hàng hoá đối với các sản phẩm có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

MAI LINH

### Hội thảo khoa học “Xã hội học môi trường và biến đổi khí hậu - Lý luận và thực tiễn”

Vừa qua tại Hà Nội, Viện Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh đã tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề “Xã hội học môi trường và biến đổi khí hậu - Lý luận và thực tiễn”.

Môi trường và biến đổi khí hậu đang là mối quan tâm rộng rãi trên cả bình diện quốc tế cũng như trong nước. Nghị quyết 24-NQ/TW về “Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” của Ban chấp hành Trung ương khóa XI cũng đã nhấn mạnh việc đưa nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào các hoạt động nghiên cứu khoa học, chương trình đào tạo ở các cấp học phổ thông, đại học, sau đại học và đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý. Trong bối cảnh đó, Hội thảo đã thu hút sự tham gia của nhiều học giả và các nhà nghiên cứu.

Theo các đại biểu, các khoa học về môi trường có thể được phân thành ba nhóm lớn. Một là các khoa học tự nhiên về môi trường. Hai là các khoa học kỹ thuật về môi trường. Ba là các khoa học xã hội về môi trường, trong đó có xã hội học môi trường... Xã hội học môi trường là một bộ môn xã hội học liên ngành với các khoa học khác, được phát triển mạnh trên thế giới từ những năm 1970 đến nay với nhiều cách tiếp cận lý thuyết và nội dung nghiên cứu. Xuất

phát từ cách tiếp cận phân hoá về mối quan hệ giữa con người và xã hội có thể thấy, xã hội học môi trường là một lĩnh vực chuyên nghiên cứu quy luật, cơ chế, nguyên nhân và hệ quả của mối quan hệ con người - môi trường - xã hội, tức làm rõ tác động qua lại phức tạp giữa con người và xã hội với môi trường.

Trước thực trạng biến đổi khí hậu trái đất hiện nay, các tham luận cũng như các ý kiến trao đổi tại Hội thảo đã hướng đến việc hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu xã hội học môi trường và biến đổi khí hậu. Đi từ những vấn đề lý luận về xã hội học môi trường, nhận thức về môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu trái đất, các đại biểu tập trung làm rõ tác động của biến đổi khí hậu đối với một số lĩnh vực kinh tế-xã hội hiện nay như nông nghiệp, tài nguyên, đa dạng sinh học, y tế, an ninh môi trường, an ninh quốc gia, hợp tác quốc tế... Đồng thời,

các đại biểu cũng đưa ra những đề xuất, gợi ý đối với một số vấn đề liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu như công tác truyền thông, quản lý nhà nước về môi trường... Hội thảo còn cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc nghiên cứu và giảng dạy môn xã hội học môi trường và vấn đề biến đổi khí hậu ở các cơ sở đào tạo.

Việt Nam đã dành nhiều nỗ lực để thực hiện mục tiêu bảo đảm môi trường bền vững nhằm phát triển bền vững đất nước. Các vấn đề, biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và môi trường cần được xác định và thực hiện trên cơ sở các bằng chứng khoa học, trong đó có những nghiên cứu từ góc độ xã hội học môi trường. Sự tham gia của xã hội học vào lĩnh vực môi trường sẽ góp phần mang lại những nhận thức mới và có thể giúp đưa ra các mô hình hợp lý cho ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay.

*PHẠM NGUYỄN*